PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TIỂU HỌC 1

**TRƯỜNG TIỂU HỌC 1**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục |  |
| Danh mục các chữ viết tắt |  |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá |  |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU |  |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ |  |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ |  |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ |  |
| I. Tự đánh giá Mức 1, Mức 2, Mức 3 |  |
| Tiêu chuẩn 1. Tổ chức và quản lý nhà trường |  |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường |  |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác |  |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường |  |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng |  |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học |  |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản |  |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên |  |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục |  |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở |  |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học |  |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh |  |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng |  |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên |  |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên |  |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh |  |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học |  |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập |  |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học |  |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị |  |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước |  |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị |  |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện |  |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội |  |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh |  |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường |  |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục |  |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường |  |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học |  |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác |  |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học |  |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục |  |
| III. KẾT LUẬN CHUNG |  |
| Phần III. PHỤ LỤC |  |
| Phần IV. PHỤ LỤC |  |
| DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG |  |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chữ viết tắt** | **Nội dung viết tắt** |
| ATGT | An toàn giao thông |
| BĐD CMHS | Ban đại diện Cha mẹ học sinh |
| CB,CC,VC,NLĐ | Cán bộ, công chức, viên chức, NLĐ |
| CBQL | Cán bộ quản lí |
| CLGD | Chất lượng giáo dục |
| GDĐT | Giáo dục đào tạo |
| GDTC | Giáo dục thể chất |
| GDTH | Giáo dục tiểu học |
| GV | Giáo viên |
| HS | Học sinh |
| HTCTTH | Hoàn thành chương trình tiểu học |
| HĐNGLL | Hoạt động ngoài giờ lên lớp |
| HĐGD | Hoạt động giáo dục |
| NV | Nhân viên |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| PCGDTH | Phổ cập giáo dục tiểu học |
| QĐND | Quân đội Nhân dân |
| SNĐ | Sao nhi đồng |
| TTLĐXS | Tập thể lao động xuất sắc |
| TNTPHCM | Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh |
| TĐG | Tự đánh giá |
| UBND | Ủy ban Nhân dân |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1,2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn, Tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| **Tiêu chuẩn 1** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 1.1 |  | x | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.2 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.4 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.5 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.6 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.7 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.8 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.9 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.10 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| **Tiêu chuẩn 2** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 2.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 2.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 2.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 2.4 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| **Tiêu chuẩn 3** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 3.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.4 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 3.5 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.6 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| **Tiêu chuẩn 4** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 4.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 4.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| **Tiêu chuẩn 5** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 5.1 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 5.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 5.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 5.4 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 5.5 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |

**Kết quả: Không Đạt**

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

**2. Kết luận**

**Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường:

Tên trước đây:

Phòng Giáo dục và Đào tạo:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương |  | | Huyện/Quận/Thị xã |  | | Xã/Phường/Thị trấn |  | | Đạt chuẩn quốc gia |  | | Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) |  | | Công lập |  | | Tư thục |  | | Trường chuyên biệt |  | | Trường liên kết với nước ngoài |  | | |  |  | | --- | --- | | Họ và tên hiệu trưởng |  | | Điện thoại |  | | Fax |  | | Website |  | | Số điểm trường |  | | Loại hình khác |  | | Thuộc vùng khó khăn |  | | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  | |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Khối lớp 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | sum-1 |
| Khối lớp 2 | 2 | 3 | 0 | 0 | 0 | sum-2 |
| Khối lớp 3 | 5 | 5 | 0 | 0 | 5 | sum-3 |
| Khối lớp 4 | 2 | 3 | 17 | 21 | 32 | sum-4 |
| Khối lớp 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | sum-5 |
| Cộng | 10 | 11 | 17 | 21 | 37 | sum |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1 |
| Phòng học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-1 |
| Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-1-1 |
| Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-1-2 |
| Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-1-3 |
| Phòng học bộ môn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-2 |
| Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-2-1 |
| Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-2-2 |
| Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-2-3 |
| Khối phòng phục vụ học tập | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-3 |
| Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-3-1 |
| Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-3-2 |
| Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1-3-3 |
| Khối phòng hành chính - quản trị | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-2 |
| Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-2-1 |
| Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-2-2 |
| Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-2-3 |
| Thư viện | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-3 |
| Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-4 |
| Cộng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**a) Số liệu tại thời điểm TĐG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Chưa đạt chuẩn** | **Đạt chuẩn** | **Trên chuẩn** | **Ghi chú** |
| Hiệu trưởng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-1 |
| Phó Hiệu trưởng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-2 |
| Tổng phụ trách Đội | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-3 |
| Giáo viên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-4 |
| Nhân viên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum-5 |
| Cộng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | sum |

**b) Số liệu của 5 năm gần đây**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Tổng số giáo viên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ giáo viên/lớp | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

**a) Số liệu chung**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| Tổng số học sinh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Nữ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Khối lớp 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Khối lớp 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Khối lớp 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Khối lớp 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Khối lớp 5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số tuyển mới | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Học 2 buổi/ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Bình quân số học sinh/lớp học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Nữ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Nữ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

**b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình lớp học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi HTCT tiểu học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

**PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung nhà trường**

**2. Mục đích TĐG**

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bặt trong hoạt động TĐG**

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

*a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Đạt | - | - | - | - |
| c | Đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Đạt mức 1**

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá;*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá;*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng, có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học**

Mức 1:

*a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*

*b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định*

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ*

Mức 2:

*a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*

*b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*

*c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục;*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chỉ tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để khắc phục các hoạt động giáo dục*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán*

Mức 3:

*Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định*

Mức 2:

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả;*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về tiêu chuẩn 1**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 1/10 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 9

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/10 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 10

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định;*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt;*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

*a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40% ;trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

*a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, sân tập**

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2:

*a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định*

*b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả;*

Mức 3:

*Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.2: Phòng học**

Mức 1:

*a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*

*b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

*a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*

*c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

*Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị**

Mức 1:

*a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;*

*b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

*a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.*

Mức 3:

*Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/6 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 6

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/6 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 6

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/5 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 5

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tô chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/2 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 2

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/2 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 2

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/2 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 2

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường**

Mức 1:

*a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

*c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

*a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**

Mức 1:

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;*

*c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

Mức 2:

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác**

Mức 1:

*a) Đảm bảo theo kế hoạch;*

*b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

*c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

Mức 3:

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học**

Mức 1:

*a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*

*b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*

*c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

Mức 3:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*

*b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*

*c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*

*b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;*

*b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/5 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 5

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/5 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 5

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Kết luận: Không đạt

**III. KẾT LUẬN CHUNG**